

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030
và tầm nhìn đến năm 2045**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Chỉ thị số 46/CT-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác dinh dưỡng trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe toàn dân;

Căn cứ Quyết định số 1975/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Bộ Chính trị về “Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Chiến lược) với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Mọi người dân đều có quyền tiếp cận công bằng với các nguồn lực và dịch vụ về thực phẩm, dinh dưỡng để đạt được tình trạng sức khỏe và dinh dưỡng tối ưu.

2. Đảm bảo dinh dưỡng hợp lý trong suốt vòng đời là nhiệm vụ trọng tâm nhằm hướng tới phát triển toàn diện về tâm vóc, thể chất, trí tuệ của người Việt Nam. Đầu tư cho dinh dưỡng là đầu tư cho phát triển.

3. Phối hợp liên ngành theo hướng tiếp cận tổng thể, đa lĩnh vực là yếu tố quan trọng để hướng tới giải quyết các gánh nặng về dinh dưỡng và bảo đảm hệ thống thực phẩm bền vững.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, phù hợp với nhu cầu để cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho mọi người dân thuộc mọi vùng, miền trong cả nước, giảm thiểu gánh nặng bệnh tật góp phần nâng cao tâm vóc, thể lực và trí tuệ của người Việt Nam.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:

2.1. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em, chú trọng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực miền núi.

a) Đến năm 2025

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới mức 17% (khu vực miền núi xuống dưới 28%).

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới mức 5%.

- Tăng tỷ lệ trẻ được bú mẹ sớm sau khi sinh đạt mức 75%.

- Tăng tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ đạt mức 50%.

b) Đến năm 2030

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới mức 15% (khu vực miền núi xuống dưới mức 25%).

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới mức 5%.

- Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi theo giới tăng từ 2-2,5cm đối với nam và 1,5-2 cm đối với nữ so với năm 2020.

- Tăng tỷ lệ trẻ được bú mẹ sớm sau khi sinh đạt mức 80%.

- Tăng tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ đạt mức 55%.

2.2. Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ, chú trọng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực miền núi.

a) Đến năm 2025

- Giảm tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai xuống dưới mức 23% (khu vực miền núi xuống dưới mức 30%).

- Giảm tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em 6-59 tháng tuổi xuống dưới mức 17% (khu vực miền núi xuống dưới mức 20%).

- Giảm tỷ lệ thiếu Vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em 6-59 tháng tuổi xuống dưới mức 8% (khu vực miền núi xuống dưới mức 13%).

- Giảm tỷ lệ thiếu kẽm huyết thanh ở trẻ em 6-59 tháng tuổi xuống dưới mức 50% (khu vực miền núi xuống dưới mức 60%).

- Tăng mức trung vị i-ốt niệu của phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ (18-49 tuổi) lên mức 10 - 20 mcg/dl.

- Tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có i-ốt hằng ngày lên mức trên mức 80%.

b) Đến năm 2030

- Giảm tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai xuống dưới mức 22% (khu vực miền núi xuống dưới mức 25%).

- Giảm tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em 6-59 tháng tuổi xuống dưới mức 15% (khu vực miền núi xuống dưới mức 18%).

- Giảm tỷ lệ thiếu Vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em 6-59 tháng tuổi xuống dưới mức 7% (khu vực miền núi xuống dưới mức 12%)

- Giảm tỷ lệ thiếu kẽm huyết thanh ở trẻ em 6-59 tháng tuổi xuống dưới mức 40% (khu vực miền núi xuống dưới mức 50%)

- Duy trì mức trung vị i-ốt niệu của phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ (18-49 tuổi) ở mức 10-20 mcg/dl.

- Tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có i-ốt hằng ngày lên mức trên mức 90%.

2.3. Không chế thừa cân béo phì, rối loạn chuyển hóa dinh dưỡng, dự phòng các bệnh mạn tính không lây và kiểm soát các yếu tố nguy cơ có liên quan.

a) Đến năm 2025

- Không chế tỷ lệ thừa cân béo phì: trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 10% (khu vực thành phố ở mức dưới 11% và khu vực nông thôn ở mức dưới 7%); trẻ 5-18 tuổi ở mức dưới 19% (khu vực thành phố ở mức dưới 27%); người trưởng thành 19-64 tuổi ở mức dưới 20% (khu vực thành phố ở mức dưới 27%).

- Giảm lượng muối tiêu thụ trung bình của dân số (15-49 tuổi) xuống dưới mức 8 gam/ngày.

b) Đến năm 2030

- Không chế tỷ lệ thừa cân béo phì: trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 10% (khu vực thành phố ở mức 11% và khu vực nông thôn ở mức 7%); trẻ 5-18 tuổi ở mức dưới 19% (khu vực thành phố ở mức dưới 27%); người trưởng thành 19-64 tuổi ở mức dưới 20% (khu vực thành phố lớn ở mức dưới 27%).

- Giảm lượng muối tiêu thụ trung bình của dân số (15-49 tuổi) xuống dưới mức 6 gam/ngày.

2.4. Bảo đảm chế độ ăn đa dạng, hợp lý và an toàn cho mọi lứa tuổi, mọi đối tượng theo vòng đời, đặc biệt là nhóm đối tượng có nguy cơ cao, người bệnh

a) Đến năm 2025

- Tăng tỷ lệ trẻ 6-23 tháng có chế độ ăn chấp nhận tối thiểu đạt mức 65%.
- Tăng tỷ lệ người trưởng thành tiêu thụ đủ số lượng rau quả hàng ngày đạt mức 55%.
- Giảm tỷ lệ hộ gia đình thiếu an ninh thực phẩm mức độ nặng và vừa xuống dưới mức 8% (khu vực miền núi xuống dưới mức 25%).
- Tỷ lệ các trường từ mầm non đến trung học phổ thông có hoạt động giáo dục dinh dưỡng ngoại khóa theo quy định của ngành đạt mức 70%.
- Tăng tỷ lệ bệnh viện tổ chức thực hiện các hoạt động khám, tư vấn và điều trị bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp với tình trạng dinh dưỡng và bệnh lý cho người bệnh đạt mức 90% đối với tuyến trung ương, tuyến tỉnh và đạt mức 75% đối với tuyến huyện.
- Tỷ lệ xã có triển khai tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý trong gói dịch vụ y tế công cộng cơ bản tại Trạm Y tế xã theo tiêu chuẩn đạt mức 50%.

b) Đến năm 2030

- Tăng tỷ lệ trẻ 6-23 tháng có chế độ ăn chấp nhận tối thiểu đạt mức 80%.
- Tăng tỷ lệ người trưởng thành tiêu thụ đủ số lượng rau quả hàng ngày đạt mức 70%.
- Giảm tỷ lệ hộ gia đình thiếu an ninh thực phẩm mức độ nặng và vừa xuống dưới mức 5% (khu vực miền núi xuống dưới mức 20%).
- Tăng tỷ lệ các trường từ mầm non đến trung học phổ thông có hoạt động giáo dục dinh dưỡng ngoại khóa theo quy định của ngành đạt mức 90%.
- Tăng tỷ lệ bệnh viện tổ chức thực hiện các hoạt động khám, tư vấn và điều trị bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp với tình trạng dinh dưỡng và bệnh lý cho người bệnh đạt mức 100% đối với tuyến trung ương, tuyến tỉnh và ở mức 80% đối với tuyến huyện.
- Tăng tỷ lệ xã có triển khai tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý trong gói dịch vụ y tế công cộng cơ bản tại Trạm Y tế xã theo tiêu chuẩn đạt mức 75%.

2.5. Nâng cao khả năng ứng phó về dinh dưỡng trong mọi tình huống khẩn cấp và biến đổi khí hậu, đặc biệt ở những địa phương có nguy cơ cao.

a) Đến năm 2025

- Tỷ lệ tỉnh, thành phố trên toàn quốc có xây dựng và đưa hợp phần đảm bảo dinh dưỡng vào trong Kế hoạch ứng phó với thiên tai thảm họa, dịch bệnh của tỉnh đạt mức trên 90%.
- Tỷ lệ tỉnh, thành phố trên toàn quốc có cán bộ tuyến tỉnh được đào tạo về ứng phó dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp đạt mức trên 90%.

- Tỷ lệ tỉnh, thành phố có nguy cơ cao được bố trí nguồn ngân sách hàng năm dành cho hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp đạt mức trên 90%.

b) Đến năm 2030

- Tăng tỷ lệ tỉnh, thành phố trên toàn quốc có xây dựng và đưa hợp phần đảm bảo dinh dưỡng vào trong Kế hoạch ứng phó với thiên tai thảm họa, dịch bệnh của tỉnh lên mức 100%.

- Tăng tỷ lệ tỉnh, thành phố trên toàn quốc có cán bộ tuyến tỉnh được đào tạo về ứng phó dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp lên mức 100%.

- Tăng tỷ lệ tỉnh, thành phố có nguy cơ cao được bố trí nguồn ngân sách hàng năm dành cho hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp lên mức 100%.

2.6. Tăng cường nguồn lực thực hiện hiệu quả Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng.

a) Đến năm 2025

- Tỷ lệ các tỉnh, thành phố, các bộ, ngành liên quan có xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng ở mức 90% đối với tỉnh, thành phố và 100% đối với bộ, ngành liên quan.

- Tỷ lệ các tỉnh, thành phố, các bộ, ngành liên quan có bố trí dòng ngân sách cho hoạt động dinh dưỡng và được duy trì hằng năm đạt mức 85% đối với tỉnh, thành phố và 100% đối với bộ, ngành liên quan.

- Tỷ lệ cán bộ làm công tác dinh dưỡng trong các đơn vị, bộ phận thuộc lĩnh vực y tế dự phòng các tuyến được đào tạo và cấp chứng chỉ theo qui định ở mức 75% đối với tuyến tỉnh, huyện và 50% đối với tuyến xã.

- Tỷ lệ cán bộ làm công tác dinh dưỡng trong bệnh viện đáp ứng các yêu cầu, năng lực triển khai hoạt động dinh dưỡng theo qui định hiện hành ở mức 75% đối với tuyến trung ương và 50% đối với tuyến tỉnh, huyện.

b) Đến năm 2030

- Tăng tỷ lệ các tỉnh, thành phố, các bộ, ngành liên quan có xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng lên mức 100%.

- Tăng tỷ lệ các tỉnh, thành phố, các bộ, ngành liên quan có bố trí dòng ngân sách cho hoạt động dinh dưỡng và được duy trì hằng năm lên mức 100%.

- Tăng tỷ lệ cán bộ làm công tác dinh dưỡng trong các đơn vị, bộ phận thuộc lĩnh vực y tế dự phòng các tuyến được đào tạo và cấp chứng chỉ theo qui định lên mức 100% đối với tuyến tỉnh, huyện và 75% đối với tuyến xã.

- Tăng tỷ lệ cán bộ làm công tác dinh dưỡng trong bệnh viện đáp ứng các yêu cầu, năng lực triển khai hoạt động dinh dưỡng theo qui định hiện hành lên mức 100% đối với tuyến Trung ương và 80% đối với tuyến tỉnh, huyện.

3. Tầm nhìn đến năm 2045: Mọi người dân đều thực hành dinh dưỡng hợp lý một cách bền vững, đạt được tình trạng dinh dưỡng tối ưu, kiểm soát các bệnh không lây liên quan đến dinh dưỡng nhằm góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Thiết lập hệ thống thực phẩm bền vững nhằm cải thiện khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng với chế độ ăn lành mạnh, đủ dinh dưỡng.
2. Tăng cường năng lực của hệ thống y tế để cung ứng, bao phủ toàn diện và nâng cao chất lượng các can thiệp dinh dưỡng thiết yếu.
3. Xây dựng và triển khai các can thiệp dinh dưỡng theo vùng, miền.
4. Tăng cường các biện pháp bảo trợ xã hội với những người dễ bị tổn thương về dinh dưỡng, chú trọng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực miền núi.
5. Đẩy mạnh phát triển khu vực vùng nông thôn, vùng nghèo và tạo sinh kế bền vững để hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng. Cải thiện điều kiện cung cấp nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường.
6. Tăng cường hoạt động truyền thông, giáo dục dinh dưỡng thông qua các kênh truyền thông phù hợp cho các nhóm đối tượng đích, chú trọng công tác truyền thông xã hội, tiếp thị xã hội, truyền thông trên môi trường mạng.
7. Đẩy mạnh các hoạt động cải thiện dinh dưỡng tại trường học thông qua việc giáo dục về dinh dưỡng và thực phẩm; triển khai chương trình bữa ăn học đường và tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh.
8. Ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, đặc biệt là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để thiết lập đồng bộ hệ thống theo dõi, giám sát về dinh dưỡng trên phạm vi toàn quốc. Sẵn sàng ứng phó về dinh dưỡng trong các tình huống khẩn cấp (thiên tai, thảm họa, dịch bệnh).

IV. GIẢI PHÁP ƯU TIÊN

1. Nhóm giải pháp về vận động xã hội.
 - a) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền đối với việc cải thiện dinh dưỡng của người dân.
 - Các cấp ủy Đảng tiếp tục tổ chức quán triệt và nghiêm túc thực hiện các chủ trương của Đảng, trong đó chú trọng thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Chỉ thị số 46/CT-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác dinh dưỡng trong tình hình mới.
 - Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp nghiêm túc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác dinh dưỡng; đổi mới phương pháp chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện công tác dinh dưỡng phù hợp với mô hình tổ chức, đặc thù công việc và tình hình kinh tế - xã hội.
 - b) Tăng cường hơn nữa vai trò của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp đối với công tác dinh dưỡng.

- Tăng cường việc thực hiện chức năng giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đối với công tác dinh dưỡng thông qua hoạt động giám sát trực tiếp và báo cáo định kỳ của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp;

- Đẩy mạnh sự tham gia của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp trong các hoạt động dinh dưỡng trong đó chú trọng việc phát huy vai trò cá nhân của các đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

c) Kiện toàn Ban chỉ đạo Chiến lược dinh dưỡng trên cơ sở lồng ghép trong nội dung nhiệm vụ và hoạt động của Ban Chăm sóc sức khỏe nhân dân các cấp.

d) Tăng cường phối hợp liên ngành và huy động cộng đồng.

- Chú trọng việc lồng ghép, phối hợp với các chương trình có liên quan đến dinh dưỡng, đặc biệt của ngành nông nghiệp, giáo dục, bảo trợ xã hội.

- Phát động các phong trào, sáng kiến của các tổ chức đoàn thể và cộng đồng trong việc chung tay thoát khỏi suy dinh dưỡng ở mọi hình thức, không để ai bị bỏ lại phía sau.

- Vận động các tổ chức tôn giáo, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ, các hiệp hội nghề nghiệp tham gia công tác phòng, chống suy dinh dưỡng, trong đó chú trọng việc vận động tham gia các hoạt động: Xây dựng chính sách, kế hoạch, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện.

d) Huy động, khuyến khích các tổ chức xã hội và doanh nghiệp tham gia thực hiện Chiến lược thông qua tài trợ cho các hoạt động dinh dưỡng; đảm bảo dinh dưỡng tại nơi làm việc; sản xuất các sản phẩm dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe và thực hiện đúng các qui định về sản xuất và kinh doanh thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng.

2. Nhóm các giải pháp về hoàn thiện chính sách và tăng cường hành lang pháp lý.

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về dinh dưỡng nhằm bảo đảm tính phù hợp với thực tế và đồng bộ với hệ thống pháp luật khác có liên quan, trong đó chú trọng vào các nội dung sau:

- Xây dựng chính sách để đưa các can thiệp dinh dưỡng thiết yếu vào bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, bảo đảm nguồn tài chính chi trả; đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động dinh dưỡng, trong đó tập trung xây dựng cơ chế xã hội hóa một số hoạt động dinh dưỡng mà người dân có khả năng đóng góp.

- Rà soát, sửa đổi hoặc xây dựng mới các văn bản nhằm tăng cường sự phối hợp liên ngành; kết nối các chính sách về bảo đảm dinh dưỡng với các chính sách về giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng nông thôn mới, giáo dục đào tạo, hệ thống thực phẩm bền vững, phòng chống thiên tai thảm họa và dịch bệnh.

- Xây dựng chế độ, chính sách về phát triển nguồn nhân lực (như chính sách về đào tạo, qui định về cấp chứng chỉ hành nghề, chế độ đãi ngộ,...).

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách hỗ trợ cho bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người lao động trực tiếp ở các ngành nghề đặc thù bị suy dinh dưỡng, đặc biệt là nhóm thuộc các đối tượng chính sách xã hội.

- Xây dựng chế độ, chính sách khuyến khích, huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước, ngoài nước vào công tác phòng, chống suy dinh dưỡng và đảm bảo dinh dưỡng hợp lý.

- Xây dựng chính sách, qui định huy động sự tham gia, phối hợp của hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân trong việc triển khai các hoạt động dinh dưỡng như quy định về ghi nhãn dinh dưỡng mặt trước bao bì sản phẩm, hạn chế quảng cáo, áp thuế tiêu thụ đặc biệt với các sản phẩm đồ uống có đường và thực phẩm không có lợi cho sức khỏe.

- Xây dựng chính sách, qui định để cải thiện hoạt động dinh dưỡng trong trường học bao gồm xây dựng hệ thống giám sát tình trạng dinh dưỡng học đường, giáo dục dinh dưỡng và bữa ăn học đường, môi trường thực phẩm lành mạnh, quy định về thực phẩm dinh dưỡng và đồ ăn nhẹ bán trong căng tin trường học, các thực phẩm quảng cáo tiếp thị cho trẻ em, bổ sung vi chất dinh dưỡng và tẩy giun, tăng cường giáo dục thể chất.

- Xây dựng chính sách, qui định để cải thiện tình trạng dinh dưỡng và phòng chống gánh nặng kép về dinh dưỡng cho người lao động bao gồm nâng cao kiến thức về dinh dưỡng hợp lý, cải thiện bữa ăn ca cho người lao động, can thiệp phòng chống các bệnh liên quan đến dinh dưỡng như thiếu năng lượng trường diễn, thiếu vi chất dinh dưỡng, thừa cân, béo phì và các rối loạn chuyển hóa.

- Cải thiện chính sách sử dụng đất, quy hoạch đô thị để bảo đảm cơ sở hạ tầng cho hệ thống cung cấp, phân phối lương thực bền vững, đa dạng và hiệu quả tại địa phương.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh đối với các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến công tác dinh dưỡng nhằm bảo vệ các thực hành dinh dưỡng tối ưu như nuôi con bằng sữa mẹ, tăng cường vi chất vào thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng bổ sung, thức ăn bổ sung chế biến đóng gói cho trẻ 6-36 tháng tuổi. Tăng cường thực hiện tiêu chí dinh dưỡng và nuôi con bằng sữa mẹ trong Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện.

c) Bảo đảm thực hiện các gói dịch vụ dinh dưỡng cơ bản tại tuyến xã, đặc biệt là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực miền núi và tại các tỉnh có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi cao.

d) Đặt chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thấp còi, gầy còm, thừa cân béo phì của trẻ dưới 5 tuổi là một trong những chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia và các địa phương.

3. Nhóm giải pháp về truyền thông, giáo dục sức khỏe.

- Tăng cường truyền thông vận động đến các nhóm hoạch định chính sách để đưa các nội dung về công tác dinh dưỡng vào các chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện tại các cấp.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về công tác dinh dưỡng, cải thiện dinh dưỡng và dinh dưỡng hợp lý.

- Phát huy mô hình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em, thanh thiếu niên và các nhóm xã hội đặc thù trong việc truyền thông, giáo dục về dinh dưỡng phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể. Phát hiện, nhân rộng mô hình điểm có hiệu quả về vai trò tham gia, thúc đẩy thực hiện các giải pháp cải thiện dinh dưỡng dành cho trẻ em, thanh thiếu niên và các nhóm xã hội đặc thù.

- Vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia vào công tác truyền thông dinh dưỡng nhằm thay đổi hành vi trong việc sản xuất, kinh doanh, phân phối và cung ứng thực phẩm an toàn, lành mạnh.

4. Nhóm giải pháp về nguồn lực tài chính

- Huy động nguồn lực tài chính cho các hoạt động phòng, chống suy dinh dưỡng từ ngân sách trung ương, địa phương, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong, ngoài nước và nhân dân để bảo đảm nguồn lực cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược. Mở rộng phạm vi và tăng dần tỷ trọng chi trả của Bảo hiểm y tế cho các dịch vụ can thiệp dinh dưỡng thiết yếu và khuyến khích các địa phương, các tổ chức, các doanh nghiệp, cá nhân trong, ngoài nước đầu tư cho hoạt động phòng, chống suy dinh dưỡng; ưu tiên đầu tư công cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực miền núi.

- Bảo đảm nguồn ngân sách hàng năm chi cho dinh dưỡng ở trung ương và địa phương, duy trì hoặc tăng tỷ lệ chi cho hoạt động dinh dưỡng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên tại tuyến cơ sở.

- Đối với các tỉnh có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi cao, kinh phí cho việc triển khai hoạt động dinh dưỡng cần được ưu tiên bố trí từ dòng ngân sách địa phương hằng năm và bổ sung thêm từ ngân sách trung ương.

- Tăng cường quản lý, giám sát và sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động dinh dưỡng.

- Phát huy tính chủ động trong việc điều phối, quản lý, sử dụng hiệu quả các dự án viện trợ, nguồn xã hội hóa bảo đảm triển khai thực hiện theo đúng nội dung Chiến lược.

5. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực cho hệ thống y tế dự phòng và điều trị đảm nhận nhiệm vụ về dinh dưỡng bảo đảm tính bền vững; củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách dinh dưỡng và y tế thôn bản ở tuyến cơ sở.

- Xây dựng khung chương trình, chuẩn hóa tài liệu đào tạo về dinh dưỡng trong hệ thống trường y. Nâng cao năng lực giảng dạy, đào tạo về dinh dưỡng cho đội ngũ giáo viên của các trường đào tạo.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác dinh dưỡng trong đó chú trọng việc đào tạo, tập huấn cho cán bộ y tế tuyến tỉnh, huyện, xã và nhân viên y tế thôn bản; chuẩn hóa cán bộ làm công tác dinh dưỡng lâm sàng. Xây dựng

chuẩn, vị trí việc làm và nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học, các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ các Bộ, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, tổ chức tôn giáo về triển khai lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng vào các chương trình, đề án phát triển.

6. Nhóm giải pháp về chuyên môn kỹ thuật

a) Tăng độ bao phủ của các can thiệp dinh dưỡng thiết yếu bao gồm các can thiệp đặc hiệu và can thiệp liên ngành theo cách tiếp cận hệ thống lương thực thực phẩm.

- Tập trung chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày vàng đầu đời bao gồm chăm sóc dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi.

- Thực hiện theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ; quản lý và điều trị trẻ em bị suy dinh dưỡng cấp tính; phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng.

- Bảo đảm nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường; tạo nguồn thực phẩm tại chỗ an toàn.

- Cải thiện chế độ ăn và dinh dưỡng thông qua tăng cường tính sẵn có, tăng khả năng tiếp cận và nhu cầu của người dân với thực phẩm giàu dinh dưỡng, an toàn ngay tại địa phương với giá cả phù hợp.

b) Nâng cao chất lượng các can thiệp dinh dưỡng.

- Bảo đảm tính sẵn có và dễ tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc dinh dưỡng thiết yếu cho tất cả các đối tượng theo các giai đoạn của vòng đời.

- Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ thông qua việc xây dựng, chuẩn hóa các qui trình, hướng dẫn kỹ thuật cho các nhóm can thiệp dinh dưỡng. Đưa đánh giá chất lượng can thiệp vào tiêu chí đánh giá hằng năm của các cơ sở y tế.

- Lồng ghép các dịch vụ dinh dưỡng với các chương trình khác như y tế, giáo dục, nông thôn mới, giảm nghèo, bảo trợ xã hội để bảo đảm tăng nguồn lực đầu tư, lấp được các khoảng trống và tránh chồng chéo về địa bàn, đối tượng can thiệp.

c) Nghiên cứu, xây dựng các chương trình, dự án và các giải pháp can thiệp đặc hiệu góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao thể lực và thể chất của người dân phù hợp với từng vùng, miền nhất là những vùng nghèo, khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nông dân, hộ nghèo, cận nghèo, người lao động trực tiếp của những ngành nghề đặc thù và các nhóm đối tượng có nguy cơ khác phù hợp với tháp dinh dưỡng và hướng dẫn khuyến cáo dinh dưỡng của ngành Y tế. Tài liệu hóa và nhân rộng các mô hình can thiệp dinh dưỡng có hiệu quả từ giai đoạn trước.

d) Đẩy mạnh việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào các sản phẩm thực phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu. Khuyến khích người dân sử dụng sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng. Tăng cường giám sát thực thi các qui định về tăng cường vi chất bắt buộc vào thực phẩm (sản phẩm dầu ăn

được tăng cường vitamin A, bột mỳ được tăng cường sắt và kẽm, muối được tăng cường I-ốt).

e) Triển khai các hoạt động dinh dưỡng học đường tại các cơ sở giáo dục và trường học.

- Đẩy mạnh giáo dục dinh dưỡng trường học, lồng ghép vào các môn khoa học tự nhiên, xã hội, giờ sinh hoạt, chương trình ngoại khóa về dinh dưỡng và thực phẩm.

- Giáo dục, truyền thông, tư vấn thay đổi hành vi cho cha mẹ học sinh, xây dựng chương trình phối hợp giữa nhà trường và gia đình về dinh dưỡng hợp lý theo từng lứa tuổi, thực phẩm an toàn có lợi cho sức khỏe, hoạt động thể lực phù hợp, phòng chống suy dinh dưỡng, phòng chống thừa cân béo phì và bệnh mạn tính không lây cho trẻ. Đặc biệt quan tâm dinh dưỡng cho lứa tuổi tiền dậy thì và dậy thì.

- Xây dựng chuẩn, xác định vị trí việc làm và nâng cao năng lực triển khai can thiệp dinh dưỡng cho cán bộ làm công tác y tế học đường, cử nhân dinh dưỡng tiết chế làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non và trường học.

- Hướng dẫn, tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, đa dạng thực phẩm, đạt được định lượng rau củ theo khuyến nghị cho học sinh bán trú, nội trú trong trường học. Ban hành các quy định để hạn chế tiếp cận với các sản phẩm thực phẩm không có lợi cho sức khỏe học sinh.

- Hướng dẫn tăng cường hoạt động thể lực, duy trì thường xuyên, hiệu quả các hoạt động thể chất trong chương trình chính khóa và ngoại khóa, tăng cường vận động thể lực thông qua các sinh hoạt, vui chơi giải trí có tính chất vận động ở trường và hạn chế thời gian ngồi lâu tại chỗ.

- Thông tin cho phụ huynh về tình trạng dinh dưỡng của học sinh, duy trì tẩy giun định kỳ tại những vùng có tỷ lệ nhiễm giun cao.

- Xây dựng và thực hiện các hướng dẫn bảo đảm dinh dưỡng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở các cơ sở bảo trợ xã hội.

f) Cải thiện chất lượng và cơ cấu bữa ăn của người dân.

- Xây dựng các kế hoạch và hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm, đặc biệt ở những địa bàn dễ bị ảnh hưởng; thúc đẩy mô hình sản xuất để tạo nguồn thực phẩm sẵn có, bảo đảm chất lượng cho bữa ăn tại hộ gia đình.

- Xây dựng và phổ biến các hướng dẫn cho người dân và những đối tượng đặc thù về chế độ dinh dưỡng, hoạt động thể lực hợp lý.

- Tăng cường công tác giáo dục tuyên truyền cho người dân để tạo nhu cầu sử dụng thực phẩm đa dạng và giàu dinh dưỡng.

g) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ tư vấn và phục hồi dinh dưỡng, phòng chống thừa cân - béo phì và các bệnh không lây nhiễm tại các tuyến.

h) Xây dựng và triển khai các hướng dẫn chuyên môn về dinh dưỡng điều trị, dinh dưỡng lâm sàng tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

i) Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học về dinh dưỡng và thực phẩm.

- Tổ chức thực hiện các nghiên cứu để cung cấp bằng chứng xây dựng hệ thống dữ liệu về thực phẩm Việt Nam, nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị, lời khuyên dinh dưỡng hợp lý cho người Việt Nam phù hợp với tình trạng dinh dưỡng, sinh lý, bệnh lý, mức độ lao động và vùng miền; các nghiên cứu về hành vi để xây dựng các giải pháp can thiệp phù hợp với vùng miền và dân tộc.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ về chọn, tạo giống mới có hàm lượng các chất dinh dưỡng thích hợp; công nghệ và thực hành chế biến sáng tạo hiện đại nhằm duy trì hàm lượng vi chất trong thực phẩm, giảm thất thoát vi chất sau thu hoạch và tăng giá trị gia tăng sản phẩm bằng cách tận dụng các phụ phẩm sau chế biến, kéo dài hạn sử dụng thực phẩm đặc biệt trong các giai đoạn bị tác động bởi thiên tai, nghiên cứu sản xuất và chế biến các thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, sản phẩm bổ sung dinh dưỡng và sản phẩm dinh dưỡng đặc hiệu phù hợp với các đối tượng để cải thiện phát triển thể chất, trí tuệ, nâng cao sức khỏe và phòng bệnh.

k) Phối hợp liên ngành nhằm giảm thiểu thất thoát, lãng phí lương thực thực phẩm và thất thoát vi chất dinh dưỡng tại khâu sản xuất, bảo quản sau thu hoạch, chế biến, vận chuyển và phân phối thông qua tập huấn nâng cao năng lực quản lý và đẩy mạnh áp dụng công nghệ hiện đại, phù hợp.

l) Đẩy mạnh nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn về nhãn dinh dưỡng cùng với các công cụ, phương pháp đo lường, nhằm cung cấp cơ sở dữ liệu khoa học trong việc lựa chọn thực phẩm cho chế độ ăn lành mạnh của người tiêu dùng.

m) Nâng cao năng lực của hệ thống giám sát dinh dưỡng, hoàn thiện bộ công cụ, các chỉ số giám sát, quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin phục vụ xây dựng, triển khai Chiến lược theo hướng đa ngành nhằm giải quyết cả nguyên nhân trực tiếp, gián tiếp của vấn đề suy dinh dưỡng; tăng cường năng lực giám sát trong tình huống khẩn cấp. Lồng ghép các chỉ số về chế độ ăn và dinh dưỡng theo cách tiếp cận hệ thống lương thực thực phẩm cho dinh dưỡng vào các hệ thống giám sát của các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, các chương trình, kế hoạch hành động cấp quốc gia.

n) Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong việc kết nối, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dinh dưỡng và thực phẩm; trong giáo dục truyền thông, tư vấn dinh dưỡng tại cộng đồng và trong cơ sở y tế.

p) Theo dõi, giám sát thường quy và tổ chức các điều tra, khảo sát định kỳ nhằm đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện Chiến lược.

7) Nhóm giải pháp về hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác quốc tế để triển khai các phong trào, sáng kiến dinh dưỡng toàn cầu tại Việt Nam (Phong trào Mở rộng dinh dưỡng toàn cầu - The SUN, Chương trình Không còn nạn đói); thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, cam kết với quốc tế và khu vực trong công tác dinh dưỡng.

- củng cố, tăng cường hợp tác quốc tế theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ với các tổ chức Liên hợp quốc để tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật và kỹ năng quản lý công tác phòng, chống suy dinh dưỡng.

- Chủ động tích cực hợp tác với các quốc gia, các viện, trường trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo để nhanh chóng tiếp cận các chuẩn mực khoa học, công nghệ tiên tiến về dinh dưỡng.

V. CÁC ĐỀ ÁN ƯU TIÊN

1. Tiếp tục thực hiện các chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nghiên cứu xây dựng và triển khai các đề án ưu tiên

- Đề án dinh dưỡng hợp lý nhằm chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Đề án sức khỏe học đường.

- Đề án nâng cao chất lượng dinh dưỡng điều trị.

- Đề án kiểm soát yếu tố nguy cơ và phòng chống thừa cân béo phì, rối loạn chuyển hóa dinh dưỡng ở người trưởng thành.

- Đề án nâng cao năng lực hệ thống triển khai Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng.

- Đề án tăng cường thông tin và giám sát dinh dưỡng bằng ứng dụng công nghệ số.

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên và kế hoạch đầu tư công trung hạn hàng năm của các Bộ, ngành cơ quan Trung ương, hội, đoàn thể liên quan và các địa phương; các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, vốn ODA, đề án liên quan khác để thực hiện các hoạt động của Chiến lược theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Đóng góp, hỗ trợ hợp pháp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, thực phẩm dinh dưỡng lành mạnh theo quy định của pháp luật.

3. Các Bộ, ngành và địa phương lập dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện Chiến lược và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng (Ban chỉ đạo Trung ương) giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi và tổng hợp, đánh giá việc triển khai thực hiện Chiến lược này.

- Ban chỉ đạo Trung ương do một Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, Bộ trưởng Bộ Y tế là Phó trưởng ban thường trực, các thành viên khác là

Lãnh đạo các Bộ (Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính, Giáo dục - Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin Truyền thông, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Công Thương, Khoa học và Công nghệ), Lãnh đạo Trung ương hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các Ban, ngành, đoàn thể xã hội khác có liên quan.

- Giao Bộ Y tế là cơ quan chủ trì giúp Chính phủ quản lý chiến lược quốc gia về dinh dưỡng, có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể và địa phương triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng; các Bộ, ban, ngành liên quan, các địa phương, các tổ chức chính trị, xã hội có trách nhiệm báo cáo định kỳ hằng năm kết quả thực hiện Chiến lược về Bộ Y tế để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

- Giao Viện Dinh dưỡng là đơn vị chuyên môn, kỹ thuật giúp Ban chỉ đạo Trung ương tổ chức triển khai các nhiệm vụ của chiến lược và tổ chức kiểm tra giám sát, định kỳ đánh giá việc triển khai thực hiện Chiến lược.

2. Bộ Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược và các đề án của Chiến lược trên phạm vi cả nước; chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi và giám sát việc triển khai Chiến lược. Định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chiến lược; tổ chức sơ kết vào cuối năm 2025 và tổng kết việc thực hiện Chiến lược vào cuối năm 2030.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về dinh dưỡng; về an toàn thực phẩm và tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm; quy định về kiểm soát đồ uống có đường, thực phẩm chế biến sẵn và ghi nhãn dinh dưỡng thực phẩm; chính sách, quy định liên quan đến nhập khẩu các sản phẩm dinh dưỡng.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động nguồn lực cho hoạt động dinh dưỡng.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành là thành viên của Ban chỉ đạo Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng và các cơ quan Trung ương liên quan tổ chức triển khai các nội dung của Chiến lược trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và giải pháp bảo đảm an ninh lương thực thực phẩm. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện các kế hoạch đề bảo đảm an ninh lương thực thực phẩm của quốc gia và hướng dẫn các địa phương phát triển sản xuất nhằm bảo đảm an ninh lương thực thực phẩm trong mọi tình huống.

- Chỉ đạo việc thiết lập và tăng cường hệ thống thực phẩm bền vững như nông nghiệp sinh thái và các tiếp cận khác ở các quy mô khác nhau nhằm hướng

tới hệ thống lương thực thực phẩm bền vững cải thiện an ninh lương thực thực phẩm và dinh dưỡng. Chủ trì việc đa dạng hóa trồng trọt, bao gồm cả các loại cây trồng truyền thống chưa được sử dụng, tăng cường sản xuất rau quả, sản xuất hợp lý các sản phẩm nguồn gốc động vật đáp ứng nhu cầu, áp dụng các thực hành sản xuất thực phẩm và quản lý nguồn lực tự nhiên bền vững. Cải thiện công nghệ và cơ sở vật chất về lưu trữ, bảo quản, vận chuyển và phân phối để giảm thiểu mất an ninh lương thực thực phẩm theo mùa, mất mát và lãng phí thực phẩm và chất dinh dưỡng.

- Lồng ghép các mục tiêu dinh dưỡng vào các chính sách thực phẩm và nông nghiệp, vào thiết kế và triển khai các chương trình can thiệp, nhằm tăng cường hoạt động nông nghiệp có định hướng dinh dưỡng. Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện các hoạt động đảm bảo dinh dưỡng trong các chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và chương trình “Không còn nạn đói”, trong đó có nội dung về các can thiệp dinh dưỡng giảm thấp còi, cải thiện chế độ ăn, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, lồng ghép nội dung tuyên truyền nâng cao kiến thức thực hành tiêu thụ có trách nhiệm và dinh dưỡng trong các mô hình hợp tác xã hoặc tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp. Phối hợp với Bộ Y tế thực hiện các hoạt động dinh dưỡng nhằm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em và phụ nữ tuổi sinh đẻ, đặc biệt ở vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn và vùng bị ảnh hưởng biến đổi khí hậu.

- Lồng ghép hoạt động ứng phó dinh dưỡng trong Kế hoạch quốc gia chuẩn bị, sẵn sàng ứng phó với thiên tai. Thiết lập và tăng cường các cơ quan tổ chức, chính sách, chương trình và dịch vụ để cải thiện khả năng hồi phục về cung cấp thực phẩm cho những khu vực dễ bị ảnh hưởng do khủng hoảng, kể cả những vùng bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Bộ Y tế triển khai các chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực dinh dưỡng học đường.

- Đẩy mạnh chương trình giáo dục dinh dưỡng trường học thông qua việc lồng ghép vào các môn học, giờ sinh hoạt, sinh hoạt ngoại khóa giúp trẻ thay đổi hành vi về dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực vì mục đích phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và phòng chống gánh nặng kép về dinh dưỡng của học sinh.

- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình để giáo dục, hướng dẫn về dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho trẻ em, học sinh, đặc biệt là cho nhóm tuổi tiền dậy thì và dậy thì.

- Phối hợp với ngành y tế trong tổ chức và quản lý bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, đa dạng thực phẩm, đạt được định lượng về rau củ, quản lý căng tin trường học, tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh; không quảng cáo và kinh doanh đồ uống có cồn, đồ uống có đường và các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe trong trường học.

- Phối hợp với ngành y tế trong xây dựng mạng lưới giám sát quốc gia theo dõi, giám sát tình trạng dinh dưỡng học sinh, thông tin cho phụ huynh về tình

trạng dinh dưỡng của học sinh.

- Phối hợp với ngành y tế để theo dõi, giám sát các can thiệp dinh dưỡng học đường, bữa ăn học đường và giáo dục dinh dưỡng.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ khả năng cân đối ngân sách trong kế hoạch trung hạn, kế hoạch hằng năm để bố trí kinh phí đầu tư triển khai thực hiện Chiến lược.

- Hướng dẫn cơ chế huy động, vận động và tiếp nhận các nguồn tài trợ trong và ngoài nước cho các hoạt động dinh dưỡng.

6. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ khả năng ngân sách nhà nước và theo kế hoạch ngân sách được Quốc hội phân bổ hằng năm để bố trí ngân sách thực hiện các chương trình, đề án, dự án về dinh dưỡng sau khi được phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách và các quy định hiện hành.

- Nghiên cứu, ban hành chính sách thuế để kiểm soát tiêu dùng các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe và đồ uống có đường.

- Phối hợp với Bộ Y tế, các bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa, huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực dinh dưỡng.

7. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì chỉ đạo tăng cường thực hiện các chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật, gắn liền với mục tiêu về đảm bảo dinh dưỡng, chú trọng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em đang sinh sống tại các xã biên giới, miền núi, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện các hoạt động dinh dưỡng cho hộ nghèo và cận nghèo, vùng khó khăn trong Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững đến 2030.

- Tăng cường lồng ghép triển khai các hoạt động liên quan đến dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em trong các chương trình, đề án mà Bộ đang thực hiện. Đẩy mạnh xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định nhằm bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, hỗ trợ chăm sóc và phát triển toàn diện cho trẻ em liên quan đến dinh dưỡng.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh tuyên truyền và quan tâm chỉ đạo việc thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, lao động tại các khu công nghiệp.

8. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan quy định ghi nhãn dinh dưỡng thực phẩm tiến tới ghi nhãn dinh dưỡng mặt trước bao bì thực phẩm.

- Chỉ đạo, định hướng và bố trí ngân sách cho các nghiên cứu khoa học công nghệ về giải pháp dinh dưỡng và thực phẩm.

9. Bộ Công thương

- Tham gia phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm và tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm; quy định về kiểm soát đồ uống có đường, thực phẩm chế biến sẵn và ghi nhãn dinh dưỡng thực phẩm; chính sách, quy định liên quan đến nhập khẩu các sản phẩm dinh dưỡng.

- Tăng cường quản lý về sản xuất, kinh doanh các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe thuộc lĩnh vực quản lý.

10. Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo, tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông về dinh dưỡng, chú trọng các thông tin về dinh dưỡng hợp lý trên các phương tiện thông tin đại chúng và truyền thông xã hội.

- Phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan trong việc kiểm soát quảng cáo về dinh dưỡng và thực phẩm liên quan.

11. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030 theo Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo lồng ghép hoạt động vận động thể lực và đảm bảo dinh dưỡng hợp lý với phong trào quần chúng và hoạt động thể thao, văn hóa tại cộng đồng; tăng cường tuyên truyền về lợi ích của hoạt động thể dục thể thao quần chúng đối với sức khỏe, hạn chế quảng cáo các sản phẩm dinh dưỡng không có lợi cho sức khỏe theo quy định.

12. Ủy ban Dân tộc

- Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện các hoạt động dinh dưỡng trong Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 88/2019/NQ-QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội.

- Tham gia xây dựng chính sách và các chương trình can thiệp dinh dưỡng cho đồng bào dân tộc và khu vực miền núi.

- Theo dõi, giám sát và đánh giá thực hiện các hoạt động dinh dưỡng trong các chương trình và đề án cho vùng đồng bào dân tộc và khu vực miền núi.

13. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ động xây dựng, phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng theo nhiệm vụ được giao và chỉ đạo tổ chức thực hiện, báo cáo kết quả hằng năm về Bộ Y tế trước ngày 31/01 của năm tiếp theo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

14. Các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội

- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Người cao tuổi Việt Nam, các Hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội khác: Tuỳ theo vai trò và định hướng chuyên môn của mỗi đơn vị, tổ chức, phối hợp với ngành Y tế trong xây dựng nội dung chương trình hành động, phổ biến kiến thức và thực hành dinh dưỡng hợp lý, tạo nguồn thực phẩm tại chỗ, cải thiện bữa ăn gia đình cho các thành viên, hội viên; phối hợp chặt chẽ với ngành y tế và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện xã hội hóa công tác dinh dưỡng, huy động nguồn lực có thể để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam ở các cấp phát huy vai trò giám sát nhằm đảm bảo việc thực thi chiến lược và các chương trình hành động dinh dưỡng đạt hiệu quả.

- Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: Xây dựng chương trình hành động cụ thể, huy động nguồn lực có thể để phối hợp chặt chẽ với ngành y tế và ủy ban nhân dân các cấp trong truyền thông, phổ biến kiến thức và thực hành dinh dưỡng hợp lý cho các hội viên, các bà mẹ; Vận động hội viên và cộng đồng tích cực tham gia các hoạt động chăm sóc dinh dưỡng, đặc biệt là chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời và bữa ăn gia đình bảo đảm dinh dưỡng hợp lý.

- Các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức phi chính phủ hoạt động tại Việt Nam: Tham gia đóng góp xây dựng các chương trình hành động dinh dưỡng ở các cấp, huy động các nguồn lực kỹ thuật và tài chính nhằm phối hợp với ngành y tế và Ủy ban nhân dân các cấp triển khai thực hiện và theo dõi giám sát các chương trình hành động dinh dưỡng đã được phê duyệt.

15. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Giao nhiệm vụ triển khai, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Chiến lược cho Ban Chỉ đạo chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân các cấp với sự tham gia của các ban, ngành, đoàn thể xã hội có liên quan tại địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan.

- Xây dựng, phê duyệt các Kế hoạch hành động hằng năm và 5 năm về dinh dưỡng phù hợp với Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong cùng thời kỳ. Chỉ đạo tổ chức triển khai, thực hiện và báo cáo kết quả hằng năm về Bộ Y tế trước ngày 31/01 của năm tiếp theo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ động bố trí dòng ngân sách hằng năm và huy động nguồn lực để thực hiện Chiến lược. Lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng với các Chiến lược khác có liên quan trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành; lồng ghép các nội dung dinh dưỡng trong công tác hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện Chiến lược tại địa phương và chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo hàng năm việc thực hiện Chiến lược trên địa bàn theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính